

ĐẶC ĐIỂM, CÁCH CHĂM SÓC TRẺ SƠ SINH ĐỦ THÁNG VÀ THIẾU THÁNG

1. Thời kỳ sơ sinh được tính từ: Hãy khoanh tròn vào câu đúng của thời kỳ sơ sinh.
 - a. Từ khi đẻ đến hết 30 ngày sau đẻ
 - b. Từ 28 tuần thai đến 7 ngày sau đẻ
 - c. Từ 37 đến 42 tuần thai**
 - d. Từ 28 đến trước 37 tuần.
2. Trẻ đẻ non là: Hãy khoanh tròn vào ý đúng.
 - a. Trẻ đẻ ra trước thời hạn trong tử cung, có tuổi thai từ 28-37 tuần**
 - b. Tuổi thai từ 28-37 tuần
 - c. Tuổi thai từ 21-28 tuần
 - d. Tuổi thai ≤ 38 tuần
3. Sơ sinh đủ tháng là sơ sinh có tuổi thai: Khoanh tròn vào ý đúng.
 - a. Từ 38-42 tuần
 - b. 40 tuần
 - c. 278 ngày
 - d. Từ 37-42 tuần.**
4. Trong những đặc điểm thần kinh sau, đặc điểm nào là của trẻ sơ sinh đủ tháng: Hãy khoanh tròn vào ý đúng.
 - a. Khi thức : vận động các chi nhanh**
 - b. Trẻ nằm lì suốt ngày, khóc yếu
 - c. Dễ giật mình**
 - d. Vỏ não ít nếp nhăn, dây thần kinh chưa myelin hoá.**
5. Một trẻ sơ sinh 5 ngày tuổi khi khám thấy các triệu chứng sau, hãy khoanh vào triệu chứng bệnh lý của trẻ:
 - a. Phản xạ Moro âm tính**
 - b. Lác trong hai mắt
 - c. Rung giật nhãn cầu hai bên
 - d. Khóc không có nước mắt.
6. Nhịp tim của trẻ sơ sinh 30 ngày là: Hãy khoanh tròn vào ý đúng.
 - a. 100-120 l/ph
 - b. 140-160 l/ph
 - c. Khoảng gấp 3 lần nhịp thở
 - d. 120-140 l/ph**
7. Nhịp thở trẻ sơ sinh đủ tháng 2 ngày tuổi là: Hãy khoanh tròn vào ý đúng.
 - a. 40-50 l/ph
 - b. 50-60 l/ph
 - c. 40-60 l/ph**
 - d. > 60 l/ph
8. Đặc điểm da của trẻ đủ tháng: Hãy khoanh tròn vào ý đúng.
 - a. Hồng hào, mềm mại, ít lông tơ

b. Hồng hào, mềm mại, nhiều lông tơ

c. Da mọng đỏ, ít lông tơ

d. Da mọng đỏ, nhiều lông tơ

9. Cân nặng và chiều dài của trẻ sơ sinh đủ tháng. Khoanh tròn vào câu đúng.

a. Cân nặng ≥ 2500 gram

b. Cân nặng > 2500 gram

Sách cũ là $>$
sách mới là \geq

c. Chiều dài ≥ 45 cm

d. Chiều dài > 45 cm

10. Trẻ sơ sinh đẻ non bình thường đều có thể gặp các biến chứng sau, trừ:

a. Hạ nhiệt độ

b. Xơ hoá hậu nhãn cầu

c. Thiếu máu

d. Còi xương

11. Trẻ sơ sinh đẻ non đều có các đặc điểm sau, trừ:

a. Cân nặng dưới 2500 gram

b. Chiều dài dưới 45 cm

c. Móng tay dài chùm ngón

d. Không có hiện tượng biến động sinh dục (sưng vú, ra huyết).

12. Trẻ đẻ ra trước một tuần tuổi, cần chăm sóc và nhỏ thuốc hàng ngày các bộ phận sau, trừ:

a. Mắt

b. Mũi

c. Tai

d. Rốn

13. Các thuốc sau cần cho trẻ đẻ non dùng thêm từ tuần thứ 2 sau đẻ, trừ:

a. Vitamin D

b. Vitamin K

c. Vitamin E

d. Vitamin A

14. Một trẻ sơ sinh nặng 1500 gram. 2 ngày tuổi. Theo anh (chị) lượng sữa cần thiết cho trẻ ăn là:

ngày 2 vs trẻ $< 1800g \rightarrow 50ml/kg$

a. 75 ml/ngày

b. 105 ml/ngày

c. 150 ml/ngày

d. 180 ml/ngày

15. 5 biến chứng hay gặp ở trẻ đẻ non: Hãy điền thêm 2 biến chứng còn lại.

a. Vàng da

b. Suy hô hấp

c. Nhiễm trùng

d.

e.

16. Trẻ sơ sinh đủ tháng có đặc điểm là? Hãy khoanh tròn vào câu đúng:

Mệnh đề	Đúng	Sai
1. Có cân nặng trên 2500g	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
2. Tuổi thai 36 tuần	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
3. Da hồng hào	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
4. Nếp nhăn gan bàn chân nhiều	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
5. Kích thước quầng đen của vú 7mm	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

17. Trẻ sơ sinh đủ tháng có đặc điểm là? Hãy khoanh tròn vào câu đúng:

Mệnh đề	Đúng	Sai
1. Núm vú thấp	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
2. Phản xạ mút yếu	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
3. Sụn vành tai cứng và đầy đủ	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
4. Trẻ nằm ở tư thế duỗi thẳng, ít cử động	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
5. Chiều dài trẻ trên 50cm	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

18. Trẻ đẻ non có đặc điểm? Hãy khoanh tròn vào câu đúng:

Mệnh đề	Đúng	Sai
1. Trẻ có cân nặng dưới 2500g	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
2. Tuổi thai 37- 38 tuần	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
3. Chiều dài 50cm	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
4. Lúc th ức trẻ ít vận động	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
5. Trẻ khóc bé	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

18. Trẻ đẻ non có đặc điểm? Hãy khoanh tròn vào câu đúng:

Mệnh đề	Đúng	Sai
1. Da hồng hào	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
2. Lớp mỡ dưới da bụng >5mm	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
3. Sụn vành tai cứng	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

4. Phản xạ sơ sinh yếu trừ phản xạ cầm nắm tăng	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
---	--------------------------	--------------------------

19. Thời gian vàng da sinh lý của trẻ sơ sinh hay mắc? Hãy khoanh tròn vào câu đúng:

Mệnh đề	Đúng	Sai
a. Vào ngày thứ 3- 5 Vào ngày thứ 10- 15	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
b. Vào ngày thứ 7- 10	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
c. Vào ngày thứ 10- 15	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
d. Vào ngày thứ 15- 20	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
e. Trên 20 ngày	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

20. Đặc điểm không phù hợp với đặc điểm sinh lý thần kinh của trẻ sơ sinh, để non? Hãy khoanh tròn vào câu sai:

Mệnh đề	Đúng	Sai
a. Trẻ trong trạng thái li bì, ngủ lịm	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
b. Lúc thức trẻ luôn vận động	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
c. Trẻ khóc bé	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
d. Phản xạ sơ sinh yếu	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
e. Trương lực cơ giảm	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

LƯỢNG GIÁ KIẾN THỨC

- Tên môn học: Nhi khoa
- Tên bài: Hội chứng vàng da sơ sinh
- Bài giảng: Lý thuyết
- Đối tượng: SV Y 4 đa khoa
- Thời gian: 3 tiết (135 phút)
- Người soạn: Nguyễn Thị Quỳnh Hương

I. Mục tiêu học tập:

1. Trình bày được nguyên nhân vàng da thường gặp ở trẻ sơ sinh
2. Trình bày được triệu chứng lâm sàng và xét nghiệm của bệnh vàng da tăng bilirubine tự do ở trẻ sơ sinh.
3. Trình bày được nguy cơ đe dọa tính mạng của trẻ do hậu quả của hiện tượng tăng bilirubin tự do trong máu.
4. Nêu được cách xử trí trước một trường hợp vàng da sơ sinh
5. Nắm được các biện pháp phòng bệnh cho trẻ có nguy cơ do vàng da tăng bilirubin tự do

II. Tests lượng giá:

Mục tiêu	Tỷ lệ test	Số lượng test cho mỗi loại		
		QCM/QCS	Đúng/sai	Ngỏ ngấn
Mục tiêu 1	5	3	2	0
Mục tiêu 2	10	9	1	0
Mục tiêu 3	9	9	0	0
Mục tiêu 4	4	4	0	0
Mục tiêu 5	8	8	0	0
Tổng	36	33	3	0
	100%	92%	8%	0%

1. Vàng da sơ sinh hay gặp ở:
 - a. 1/3 trẻ sơ sinh đủ tháng
 - b. 2/3 trẻ sơ sinh đẻ non
 - c. Tất cả các trẻ đẻ non dưới 28 tuần thai
 - d. Tất cả các câu trên đều đúng.
2. Trong các loại bilirubine sau thì tất cả chúng đều không độc đối với não, trừ:
 - a. Bilirubin không liên kết albumine
 - b. Bilirubin liên kết albumin
 - c. Bilirubin gắn trên mặt hồng cầu, tiểu cầu.
 - d. Bilirubin trực tiếp.
3. Bilirubin trong cơ thể trẻ **sơ sinh** được chuyển hoá như sau:
 - a. Bilirubin gián tiếp kết hợp với albumin mẹ đến gan mẹ và được chuyển thành bilirubin trực tiếp để thải ra ngoài. đây là chuyển hóa trong bào thai

- b. Bilirubin gián tiếp kết hợp với albumin ở gan trở thành bilirubin kết hợp rồi thải ra ngoài.
 - c. Bilirubin gián tiếp gắn với albumin nhờ men glucuronyl transferase thành bilirubin kết hợp và thải ra ngoài.
 - d. Bilirubin gián tiếp chuyển thành bilirubin trực tiếp ở gan nhờ men glucuronyl transferase và thải ra ngoài.**
4. Trẻ sơ sinh thải bilirubin ở gan kém do:
- a. Đời sống hồng cầu ngắn (70 ngày). 30 ngày
 - b. Số lượng protein gắn bilirubin ít trẻ bình thường thì lượng albumin vẫn đủ
 - c. Hoạt động của glucuronyl-transferase yếu**
 - d. Chưa có sự giáng hoá bilirubin ở ruột do chưa có các chủng khuẩn ruột và sự có mặt của beta glucuronidase đã duy trì chu trình gan ruột. tăng giáng hóa ở ruột
5. Tăng bilirubin tự do trong máu là do:
- a. Hoạt động của glucuronyl-transferase
 - b. Tế bào gan tổn thương
 - c. Vỡ hồng cầu già phân vân C
 - d. Giảm vận chuyển bilirubin tự do trong tế bào
 - e. Giảm ligandin**
6. Calcium bilirubinate là một dạng sỏi mật được quan sát ở bệnh nhân bị tan máu lâu dài, đúng hay sai? đúng
7. Vàng da là một hiện tượng hiếm gặp trên lâm sàng ở trẻ sơ sinh, đúng hay sai? sai
8. Vàng da sinh lý ở trẻ sơ sinh được đặc trưng bằng tất cả các đặc điểm sau, trừ:
- a. Vàng da vào ngày thứ 3 sau sinh
 - b. Men glucuronyl-transferase hoạt động kém
 - c. Bilirubin máu tăng trên 8 mg% vào ngày thứ 3**
 - d. Urobilinogen, sắc tố mật (+) trong nước tiểu vào ngày thứ 2.
 - e. Tăng chu trình ruột gan
9. Vàng da trong 24 giờ đầu có thể gây ra bởi tất cả các nguyên nhân sau, trừ:
- a. Tan máu do bất đồng mẹ con ABO
 - b. Tan máu do bất đồng Rh
 - c. Bệnh CMV
 - d. Nhiễm trùng máu
 - e. Sữa mẹ**
10. Trong các chỉ số sau, chỉ có duy nhất một chỉ số tăng là sinh lý trong tuần đầu sau đẻ ở trẻ sơ sinh :
- a. Hematocrite
 - b. Nhiệt độ
 - c. Cân nặng
 - d. Bilirubine**
 - e. áp lực động mạch phổi
11. Một trẻ sơ sinh có vàng da rõ ở lúc 2 ngày tuổi, lúc sinh có xuất hiện các chấm xuất huyết sau đó ban xuất huyết xuất hiện trên toàn thân. Xét nghiệm về tan máu thấy không có biểu hiện tan máu. Xét nghiệm ít quan trọng nhất là:

- a. Chụp XQuang xương dài
 - b. Cách ly trẻ khỏi mẹ
 - c. Cây máu NKSS
 - d. Đo IgM trong máu *ngờ là NKSS*
 - e. Xét nghiệm hormon tuyến giáp. *suy giáp bẩm sinh cũng có thể có vàng da*
12. Hội chứng Crigler-Najjar type I biểu hiện 4-6 tuần sau sinh, đúng hay sai? *sai, thiếu enzym liên hợp biểu hiện sớm*
13. Tất cả các yếu tố sau đều tăng nguy cơ vàng da nhân của trẻ sơ sinh, trừ:
- a. Toàn chuyển hoá
 - b. Điều trị sulfisoxazole
 - c. Giảm albumin máu
 - d. Mẹ uống aspirin trong thời kỳ mang thai**
 - e. Mẹ uống phenobarbital trong thời kỳ mang thai
14. Trong quá trình chuyển hoá để tạo thành bilirubin gián tiếp có sự tham gia của men:
- a. HEM oxygenase**
 - b. Glucuronyl transferase
 - c. beta glucuronidase
 - d. Tất cả các men trên.
15. Bilirubin trực tiếp có các đặc tính sau, trừ:
- a. Tan trong nước
 - b. Nhuộm màu phân và nước tiểu
 - c. Chiếm phần lớn bilirubin trong huyết tương**
 - d. Không độc với thần kinh
16. Tất cả các trẻ sơ sinh đều có nguy cơ tăng bilirubin gián tiếp vì:
- a. Tăng sản xuất bilirubin
 - b. Khả năng gắn albumin huyết tương giảm
 - c. Gan chưa trưởng thành
 - d. Thường gặp chu trình gan ruột
 - e. Tất cả các câu trên đều đúng.**
17. Gan trẻ sơ sinh chưa trưởng thành nên gây:
- a. Thiếu ligandin
 - b. Thiếu Protein Y
 - c. Thiếu glucuronyl transferase**
 - d. Giảm glucagon
18. Các yếu tố sau đều gây tăng bilirubin gián tiếp trong máu, trừ:
- a. Dùng thuốc diazepam
 - b. Dùng thuốc furosemid
 - c. Dùng thuốc digoxin
 - d. Dùng thuốc cafein**
 - e. Dùng thuốc phenobarbital
19. Các yếu tố sau đều gây tăng bilirubin gián tiếp, trừ:
- a. Hạ đường máu
 - b. Hạ nhiệt độ

- c. Toàn máu
- d. Nuôi dưỡng tĩnh mạch kéo dài.

20. Các nguyên nhân sau đều là nguyên nhân gây tan máu tiên phát, trừ:

- a. Minkowski-Chauffard
- b. Thiếu G6PD
- c. Thiếu triose-phosphat-isomerase.
- d. Thiếu glucuronyl transferase.

21. Các nguyên nhân sau đều là nguyên nhân gây tan máu thứ phát, trừ:

- a. Máu tụ
- b. Đẻ non
- c. Đẻ ngạt
- d. Nhiễm khuẩn
- e. Thiếu pyruvate-kinase.

22. Bệnh nhân sơ sinh 3 ngày tuổi, bị vàng da sớm lúc 2 ngày tuổi. phân vàng, nước tiểu trong. Trẻ là con đầu lòng, các xét nghiệm sau, xét nghiệm nào cần thiết để chẩn đoán vàng da trên trẻ:

- a. Bilirubin gián tiếp
- b. Bilirubin trực tiếp
- c. Albumine máu
- d. Nhóm máu mẹ con (A,B,O và Rh).

23.-> 24.

23. Trẻ sơ sinh nặng 3 kg, 5 ngày tuổi, bilirubine gián tiếp 700 Mmol/L, Albumine máu 35 g/l. Hb: 10 g/l. Hãy chọn xử trí tốt nhất trên bệnh nhân này:

- a. Chiếu đèn trong khi chờ đợi thay máu, Thay máu với HC rửa O, Plasma AB: 450 ml (máu vào: 450 ml, máu ra: 420 ml), chiếu đèn.
- b. Chiếu đèn trong khi chờ đợi thay máu, thay máu HC rửa O, Plasma AB: 450 ml (máu vào: 480 ml, máu ra 450 ml), chiếu đèn. đủ cân: 160ml/kg
- c. Chiếu đèn trong khi chờ đợi thay máu, thay máu nhóm máu cùng nhóm với nhóm máu của bệnh nhân, lượng máu là 450 ml, chiếu đèn.
- d. Chiếu đèn trong khi chờ đợi thay máu, thay máu nhóm máu cùng nhóm với nhóm máu của bệnh nhân: 450 ml (máu vào 450 ml, máu ra 420 ml).

24. Sau khi thay máu xong, bilirubin gián tiếp của bệnh nhân này là 500 mmol/L.

Anh (chị) sẽ quyết định gì:

- a. Tiếp tục chiếu đèn mỗi ngày thay 1 lần, chiếu đèn rồi hôm sau sẽ thay máu
- b. Truyền albumine
- c. Thay máu lần 2
- d. Truyền máu.

25->28. Trẻ sơ sinh 3 ngày tuổi vào viện vì vàng da. Khám thấy trẻ nặng 3 kg, da trẻ vàng sáng rõ, thiếu máu rõ, không có dấu hiệu của nhiễm trùng hay suy hô hấp. Tiền sử trẻ là con thứ hai, con đầu lòng đã bị vàng da nhân. Trẻ được làm xét nghiệm bilirubine gián tiếp, kết quả là 700 Mmol/L và Bilirubine trực tiếp là 12 Mmol/L.

25. Trẻ này cần được làm xét nghiệm gì ngay để có hướng chẩn đoán nguyên nhân:
- e. Công thức máu-hồng cầu lưới
 - f. Nhóm máu mẹ, con (A,B,O và Rh)
 - g. Đường máu.
 - h. Albumine máu.
26. Hãy chọn những phương hướng điều trị cần thiết cho trẻ này:
- a. Truyền máu và chiếu đèn ngay
 - b. Thay máu ngay lập tức.
 - c. Chiếu đèn trong khi chờ đợi thay máu, yêu cầu thay máu ngay.
 - d. Chiếu đèn và truyền albumine máu trong khi chờ đợi thay máu.
27. Trẻ này cần truyền máu, vậy truyền máu vào lúc nào?
- a. Ngay lập tức
 - b. Trong khi thay máu
 - c. Sau khi thay máu
 - d. Tất cả các câu trên đều sai
28. Và truyền nhóm máu nào là tốt nhất cho trẻ:
- a. Máu tươi, nhóm máu cùng nhóm với trẻ
 - b. Máu tươi, hồng cầu rửa O, Plasma AB, Rh (-)
 - c. Máu tươi, hồng cầu rửa O, Plasma AB, Rh (+)
 - d. Máu tươi, hồng cầu rửa O, Plasma AB, không cần quan tâm đến Rh.
29. Bệnh nhân con thứ 2, vàng da lúc 2 ngày tuổi, vàng da nặng rõ. Tiền sử gia đình có con đầu đã bị vàng da do bất đồng nhóm máu. Theo anh (chị), cháu này vàng da bị vàng da có nhiều khả năng là do:
- a. Bất đồng ABO
 - b. Bất đồng Rh
 - c. Bệnh Gilbert
 - d. Bất đồng cả ABO và Rh.
30. Phenobarbital thường làm giảm bilirubin trong bệnh:
- a. Gilbert
 - b. Crigler-Najjar
 - c. Vàng da do sữa mẹ
 - d. Vàng da do thiếu pyruvat-kinase.
31. Trong các bệnh sau đều có thiếu hoặc ức chế men glucuronyl-transferase, trừ:
- a. Gilbert
 - b. Crigler-Najjar
 - c. Vàng da do sữa mẹ
 - d. Galactosemie
32. Một trẻ sơ sinh nặng 3,5 kg sau đẻ. Hiện tại 7 ngày tuổi. Vàng da nặng, rõ. Khám không có dấu hiệu gì của nhiễm khuẩn. Bất đồng nhóm máu mẹ con. Không có dấu hiệu gì bất thường trừ việc ngày qua cháu đột nhiên bỏ bú, co giật toàn thân, tăng trương lực cơ toàn thân. Anh (chị) nghĩ đến khả năng gì nhất:

- a. Giảm canxi máu
 - b. Hạ đường máu
 - c. Vàng da nhân não
 - d. Viêm màng não mủ.
33. Bệnh nhân 15 ngày tuổi, bị vàng da xám tăng dần, phân bệnh nhân trắng như phân cò ngay sau khi đẻ 1 ngày, từ đó đến nay tất cả các lần đi ngoài của bệnh nhân đều trắng, không có lần nào phân vàng. Gan to. Theo anh (chị), bệnh nhân có khả năng bị bệnh gì nhất:
- a. Teo đường mật ngoài gan
 - b. Teo đường mật trong gan
 - c. Nhiễm cytomegalo virus bào thai
 - d. Bệnh chuyển hoá.
34. Trong chiếu đèn có thể gặp các biến chứng sau, trừ:
- a. Nổi mẩn đỏ trên da
 - b. Hội chứng da đồng
 - c. ỉa lỏng
 - d. Hạ đường máu
 - e. Mất nước
35. Tử vong trong thay máu thường do:
- a. Tốc độ thay máu không đảm bảo
 - b. Máu thay không đảm bảo
 - c. Bệnh nhân nặng không cho phép chịu đựng được cuộc thay
 - d. Vàng da nhân
36. Một phụ nữ có nhóm máu O, Rh(+), đẻ con sơ, sinh đủ tháng, con nhóm máu A, Rh(+), Hematocrite của con là 55%. Bilirubin máu lúc 36 giờ là 204 Mmol/L (12 mg%). Xét nghiệm nào sau đây ít chỉ ra nhất trẻ bị tan máu ABO:
- a. Tế bào vỡ tăng
 - b. Test Coombs trực tiếp âm tính
 - c. Tế bào hồng cầu vỡ trên tiêu bản máu
 - d. Thấy tế bào hồng cầu có nhân trên tiêu bản máu
 - e. Hồng cầu tròn trên tiêu bản máu.

Câu	đáp án	Câu	Đáp án
1	d	20	d
2	a	21	e
3	d	22	a
4	c	23	a
5	e	24	c
6		25	f
7	sai	26	c
8	d	27	b
9	e	28	d
10	d	29	a
11	e	30	b
12	sai	31	d
13	e	32	c
14	a,c	33	a
15	c	34	d
16	e	35	a,b,c
17	a,b,c	36	b
18	e		
19	d		

